

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

Số 245/TB-CTY  
No. 245/TB-CTY

TP. HCM, ngày 09 tháng 06 năm 2025  
HCM city day 09 month 06 year 2025

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI NHÂN SỰ**  
**CHANGE IN PERSONNEL**

(Mẫu dùng cho các trường hợp bổ nhiệm và/hoặc miễn nhiệm/từ nhiệm)  
Applied to cases of appointment and/or dismissal/resignation)

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh**  
**To: Hochiminh Stock Exchange**

Căn cứ theo Nghị quyết HĐQT số 143/NQHĐQT ngày 06/06/2025 và Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01 ngày 06/06/2025 của Công ty CP Đầu tư và XD cấp thoát nước, chúng tôi trân trọng thông báo việc thay đổi nhân sự của Công ty CP Đầu tư và XD cấp thoát nước như sau:

*Based on Board Resolution No 143/NQ - HĐQT dated 06/06/2025 and General Mandate No: 01/2025 dated 06/06/2025 of WASECO, we would like to announce the change in personnel of WASECO as follows:*

**Trường hợp bổ nhiệm/In case of appointment (\*):**

- Ông /Mr.: **LÊ MINH ĐỨC**
- Chức vụ trước khi bổ nhiệm/Former position in the organization: **KHÔNG N/A**
- Chức vụ được bổ nhiệm/Newly appointed position: **Phó Chủ tịch HĐQT/ Vice Chairman of the Board.**
- Thời hạn bổ nhiệm/Term: **2023- 2028**
- Ngày bắt đầu có hiệu lực/Effective date: **06/06/2025**

**Trường hợp miễn nhiệm/từ nhiệm/In case of dismissal/resignation:**

- Ông /Mr.: **VŨ ĐOÀN CHUNG**
- Không còn đảm nhận chức vụ/Dismissed/Resigned position: **Phó Chủ tịch HĐQT/ Vice Chairman of the Board.**
- Lý do miễn nhiệm (nếu có)/Reason (if any): **thay đổi người đại diện của cổ đông/Change in representative of shareholders.**
- Ngày bắt đầu có hiệu lực/Effective date: **06/06/2025.**



Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 06/06/2025 tại đường dẫn :<http://www.waseco.com.vn> /*This information was published on the company's website on 09/06/ 2025 as in the link :* <http://www.waseco.com.vn>

Ngày 09 tháng 06 năm 2025



**NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT**

**NGUYỄN QUỐC TUẤN**

***Tài liệu đính kèm/Attached documents:***

- Quyết định HĐQT số 143/NQ -  
HĐQT/Nghị quyết ĐHĐCĐ  
01/2025/NQ- ĐHĐCĐ

*Board Resolution and/or General  
Mandate on the change in personnel.*

- Danh sách người có liên quan (Phụ  
lục II - Danh sách người nội bộ và  
những người có liên quan)





**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC**  
*Địa chỉ trụ sở: Số 10 Phổ Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP HCM.*  
*Mã số doanh nghiệp: 0300393538.*

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty WASECO;

Căn cứ Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội ngày 06/6/2025.  
Đại hội có mặt 37 cổ đông và người được ủy quyền dự họp, đại diện cho 11.437.927 cổ phần, chiếm 86,65% tổng số phiếu biểu quyết.

Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 và kết quả biểu quyết các báo cáo, tờ trình được trình tại Đại hội.

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC**  
**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1:** Thông qua Báo cáo số 208/BC-CTN ngày 16/5/2025 của Tổng Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển năm 2024; kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2025 với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông có mặt tại đại hội tán thành, nội dung gồm các chỉ tiêu chính sau:

**1.1. Về kết quả sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2024**

| TT | Chỉ tiêu                                                    | ĐVT  | Kế hoạch 2024 | Thực hiện 2024 | Tỷ lệ % |
|----|-------------------------------------------------------------|------|---------------|----------------|---------|
| A  | Tổng giá trị Sản xuất kinh doanh và Đầu tư phát triển (1+2) | Tỷ đ | 398,934       | 311,671        | 78,1%   |
| 1  | Giá trị sản xuất kinh doanh                                 | Tỷ đ | 372,300       | 293,126        | 78,7%   |
| 2  | Giá trị đầu tư phát triển                                   | Tỷ đ | 26,634        | 18,544         | 69,6%   |
| B  | Tổng doanh thu hợp nhất                                     | Tỷ đ | 366,000       | 251,706        | 68,78%  |
|    | Trong đó doanh thu công ty mẹ                               | Tỷ đ | 332,000       | 216,703        | 65,28%  |
| C  | Lợi nhuận hợp nhất trước thuế                               | Tỷ đ | 35,376        | 33,295         | 94,1%   |
|    | Trong đó LN trước thuế công ty Mẹ                           | Tỷ đ | 32,500        | 32,863         | 101%    |
| D  | Nộp ngân sách Công ty Mẹ                                    | Tỷ đ | 19,203        | 26,018         | 135%    |
| E  | Cổ tức                                                      | %    | 15%           | 17%            | 113%    |



| TT | Chỉ tiêu                               | ĐVT     | Kế hoạch 2024 | Thực hiện 2024 | Tỷ lệ % |
|----|----------------------------------------|---------|---------------|----------------|---------|
| F  | Thu nhập bình quân triệu đ/người/tháng | Triệu đ | 12,5          | 12,10          | 97,0%   |
| G  | Thu hồi công nợ                        | Tỷ đ    | 332,000       | 342,070        | 103%    |

## 1.2. Về kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2025

| TT | Chỉ tiêu                           | ĐVT   | Thực hiện 2024 | Kế hoạch 2025 | Tỷ lệ % so với 2024 |
|----|------------------------------------|-------|----------------|---------------|---------------------|
| A  | Tổng giá trị SXKD + ĐTPT (1+2)     | Tỷ đ  | 311,671        | 477,519       | 153,2%              |
| 1  | Giá trị sản xuất kinh doanh        | Tỷ đ  | 293,126        | 450,705       | 153,8%              |
| 2  | Giá trị đầu tư thực hiện các dự án | Tỷ đ  | 18,544         | 26,814        | 144,6%              |
| B  | Tổng doanh thu hợp nhất            | Tỷ đ  | 251,706        | 437,064       | 173,6%              |
|    | Trong đó doanh thu công ty mẹ      | Tỷ đ  | 216,703        | 400,951       | 185%                |
| C  | Lợi nhuận hợp nhất trước thuế      | Tỷ đ  | 33,295         | 35,958        | 108%                |
|    | Trong đó LN trước thuế công ty Mẹ  | Tỷ đ  | 32,863         | 35,492        | 108%                |
| D  | Nộp ngân sách Công ty Mẹ           | Tỷ đ  | 26,018         | 25,000        | 99%                 |
| E  | Cổ tức                             | %     | 17%            | 18,36%        | 108%                |
| F  | Thu nhập bình quân/người/tháng     | Triệu | 12,1           | 12,6          | 104,2%              |
| G  | Thu hồi công nợ                    | Tỷ đ  | 342,070        | 350,000       | 102,3%              |

**Điều 2:** Thông qua Báo cáo số 131/BC-HĐQT ngày 16/5/2025 của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của HĐQT, đánh giá giám sát của Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị đối với Ban điều hành năm 2024; mục tiêu nhiệm vụ năm 2025 với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông có mặt tại đại hội tán thành.

**Điều 3:** Thông qua Báo cáo số 02/BC-BKS ngày 16/5/2025 của Ban kiểm soát Công ty về hoạt động trong năm 2024 với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông có mặt tại đại hội tán thành.

**Điều 4:** Thông qua Tờ trình số 03/TT-BKS ngày 16/5/2025 của Ban kiểm soát v/v Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông có mặt tại đại hội tán thành

**Điều 5:** Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán kiểm toán phía Nam với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông có mặt tại đại hội tán thành.

| STT      | Chỉ tiêu                    | BCTC riêng             | BCTC hợp nhất          |
|----------|-----------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>I</b> | <b>Bảng Cân đối kế toán</b> |                        |                        |
| <b>1</b> | <b>Tổng Tài sản</b>         | <b>434.473.819.298</b> | <b>529.276.928.572</b> |
| 11       | Tài sản ngắn hạn            | 233.480.437.461        | 242.958.253.299        |
| 1.2      | Tài sản dài hạn             | 200.993.381.837        | 286.318.675.273        |



| STT       | Chỉ tiêu                                        | BCTC riêng             | BCTC hợp nhất          |
|-----------|-------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>2</b>  | <b>Tổng nguồn vốn</b>                           | <b>434.473.819.298</b> | <b>529.276.928.572</b> |
| 2.1       | Nợ phải trả                                     | 235.998.477.371        | 334.755.527.286        |
| 2.2       | Vốn Chủ sở hữu                                  | 198.475.341.927        | 194.521.401.286        |
|           | <i>Trong đó: LNST chưa phân phối</i>            | 22.402.217.943         | 13.481.474.842         |
|           | + LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 9.896.106.423          | 536.520.860            |
|           | + LNST chưa phân phối năm nay                   | 12.506.111.520         | 12.944.953.982         |
| <b>II</b> | <b>Báo cáo kết quả SXKD</b>                     |                        |                        |
| 1         | Tổng doanh thu                                  | 216.703.503.914        | 251.708.699.986        |
| 2         | Lợi nhuận sau thuế                              | 25.706.111.520         | 26.578.170.435         |
|           | Trong đó:                                       |                        |                        |
|           | - LNST của Công ty Mẹ                           | 25.706.111.520         | 26.144.953.982         |
|           | - LNST của cổ đông không kiểm soát              |                        | 433.216.453            |

**Điều 6:** Thông qua Tờ trình số 133/TT-HĐQT ngày 16/5/2025 của HĐQT về phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2024 với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông có mặt tại đại hội tán thành, cụ thể như sau:

**\* Về phân phối lợi nhuận:**

| TT       | Các chỉ tiêu                                                                                    | Số tiền               |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|
| 1        | Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước báo cáo hợp nhất                              | <b>536.520.861</b>    |
| 2        | LNST trên BCTC riêng                                                                            | 25.706.111.520        |
| <b>3</b> | <b>Tổng lợi nhuận thực hiện phân phối</b>                                                       | <b>26.242.632.381</b> |
| a.       | <b>Trích lập các quỹ</b>                                                                        | <b>2.930.837.160</b>  |
|          | <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>                                                                 | <b>2.673.837.160</b>  |
|          | <i>Quỹ khen thưởng Ban Điều hành 1% LN sau thuế Báo cáo riêng.</i>                              | <b>257.000.000</b>    |
| b.       | <b>Cổ tức năm 2024 (17% VDL)</b>                                                                | <b>22.440.000.000</b> |
|          | <i>Cổ tức đợt 1 năm 2024 đã tạm ứng theo Nghị quyết số 98/NQ-HĐQT ngày 12/11/2024 (10% VDL)</i> | 13.200.000.000        |
|          | <i>Cổ tức đợt 2 năm 2024 (7% VDL)</i>                                                           | 9.240.000.000         |
| c.       | <b>LNST còn lại chưa phân phối năm 2024 hợp nhất</b>                                            | <b>871.795.221</b>    |

**• Về chi trả cổ tức năm 2024**

- Hình thức chi trả: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.
- Thời điểm chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức và thời gian chi trả cổ tức:

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành công ty thỏa thuận với Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh và Trung tâm lưu ký chứng khoán theo Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán, đảm bảo thời gian chi trả cổ tức trước ngày 30/6/2025.



- Địa điểm nhận cổ tức:
- Tại các Công ty chứng khoán đối với các cổ đông đã lưu ký.
- Tại Cty CP Đầu tư và XD cấp thoát nước đối với các cổ đông chưa lưu ký.

**Điều 7:** Thông qua Báo cáo số 135/BC-HĐQT ngày 16/5/2025 của Hội đồng quản trị về việc Quyết toán chi phí thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2024, dự toán chi phí thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông có mặt tán thành.

❖ **Quyết toán chi phí thù lao thành viên HĐQT và Ban kiểm soát năm 2024**

| TT | Họ và tên            | Chức vụ           | Số tháng | Dự toán chi phí 2024 đã được ĐHCĐ thông qua |                      | Số đã chi năm 2024 và đề nghị quyết toán |
|----|----------------------|-------------------|----------|---------------------------------------------|----------------------|------------------------------------------|
|    |                      |                   |          | Chi phí/tháng                               | Chi phí/năm          |                                          |
| 1  | Nguyễn Duy Hùng      | TGD kiêm TVHĐQT   | 12       | 50.000.000                                  | 600.000.000          | 560.000.000                              |
| 2  | Vũ Đoàn Chung        | Phó Chủ tịch HĐQT | 12       | 10.000.000                                  | 120.000.000          | 120.000.000                              |
| 3  | Chu Xuân Lãng        | TGD kiêm TVHĐQT   | 12       | 8.000.000                                   | 96.000.000           | 96.000.000                               |
| 4  | Nguyễn Đức Bôn       | TVHĐQT            | 12       | 8.000.000                                   | 96.000.000           | 96.000.000                               |
| 5  | Nguyễn Thị Bảo Quỳnh | TV HĐQT độc lập   | 12       | 8.000.000                                   | 96.000.000           | 96.000.000                               |
| 6  | Bùi Khánh Linh       | Trưởng BKS        | 12       | 6.000.000                                   | 72.000.000           | 72.000.000                               |
| 7  | Phạm Phước Thịnh     | TV BKS            | 12       | 4.000.000                                   | 48.000.000           | 48.000.000                               |
| 8  | Nguyễn Văn Dân       | TVBKS             | 12       | 4.000.000                                   | 48.000.000           | 48.000.000                               |
|    | <b>TỔNG CỘNG</b>     |                   |          | <b>98.000.000</b>                           | <b>1.176.000.000</b> | <b>1.136.000.000</b>                     |

❖ **Dự toán chi thù lao cho thành viên HĐQT và Ban kiểm soát năm 2025**

| TT | Vị trí/Chức danh             | Số tháng  | Chi phí/tháng      | Dự toán chi phí thù lao 2025 |
|----|------------------------------|-----------|--------------------|------------------------------|
| 1  | Chủ tịch HĐQT (chuyên trách) | 12        | 55.000.000         | 660.000.000                  |
| 2  | Phó Chủ tịch HĐQT            | 12        | 10.000.000         | 120.000.000                  |
| 3  | TGD kiêm TVHĐQT              | 12        | 8.000.000          | 96.000.000                   |
| 4  | Thành viên HĐQT              | 12        | 8.000.000          | 96.000.000                   |
| 5  | Thành viên HĐQT độc lập      | 12        | 8.000.000          | 96.000.000                   |
| 6  | Trưởng BKS                   | 12        | 6.000.000          | 72.000.000                   |
| 7  | Thành viên BKS               | 12        | 4.000.000          | 48.000.000                   |
| 8  | Thành viên BKS               | 12        | 4.000.000          | 48.000.000                   |
|    | <b>TỔNG CỘNG</b>             | <b>12</b> | <b>103.000.000</b> | <b>1.236.000.000</b>         |

**Ghi chú:** Chi phí thù lao trên chưa bao gồm các khoản tiền thưởng (nếu có).

**Điều 8:** Thông qua miễn nhiệm tư cách thành viên HĐQT của ông Vũ Đoàn Chung; thông qua Quy chế bầu cử bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 - 2028 Công ty với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần của cổ đông có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

**Điều 9:** Thông qua danh sách ứng cử, đề cử bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ IV (2023-2028) ông Lê Minh Đức, sinh năm 1966, kỹ sư kinh tế, cử nhân kế toán với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết có mặt tại Đại hội tán thành.

**Điều 10:** Thông qua Ban bầu cử và kiểm phiếu với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết có mặt tại Đại hội tán thành gồm:

- Ông Đặng Hữu Chiến – Phó phòng Kế hoạch Đầu thầu - Trưởng ban
- Bà Đỗ Thị Thanh Nhã – Cổ đông - Thành viên
- Ông Lê Anh Duy – Chuyên viên công nghệ thông tin Công ty - Thành viên

**Điều 11:** Thông qua kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 - 2028 ông Lê Minh Đức, sinh năm 1966, kỹ sư kinh tế, cử nhân kế toán trúng cử thành viên HĐQT với tỷ lệ 99,89% tổng số phiếu biểu quyết có mặt tại Đại hội tán thành.

**Điều 12:** Đại hội giao Hội đồng quản trị tiếp thu, nghiên cứu các ý kiến góp ý của các cổ đông được ghi tại Biên bản Đại hội, chỉ đạo Ban Điều hành triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật và điều kiện thực tế của công ty nhằm thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch, nhiệm vụ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, đảm bảo quyền lợi của cổ đông, nâng cao thu nhập cho người lao động.

**Điều 13:** Nghị quyết này đã được 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng cấp thoát nước (WASECO) tán thành và có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông Cty
- UBCKNN, Sở GD&ĐTTPHCM
- HĐQT, BKS, BDH
- CBTT trên Website Cty, Lưu.

**TM ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**CHỦ TỌA**



**NGUYỄN DUY HÙNG**

1. C. P. H. M. I. N. H.





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

ISO 9001 - 2015

Số: 143/NQ-HĐQT

TP Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 6 năm 2025

## NGHỊ QUYẾT

### Kỳ họp thứ 10, nhiệm kỳ IV (2023-2028)

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC (WASECO)

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng cấp thoát nước (WASECO);

Căn cứ kết quả bầu Phó Hội đồng quản trị Công ty.

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị lần thứ 10 - nhiệm kỳ IV (2023 - 2028), ngày 06/6/2025 của Hội đồng quản trị Công ty WASECO.

## QUYẾT NGHỊ

**Điều 1:** Nhất trí bầu ông Lê Minh Đức, thành viên Hội đồng quản trị giữ chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ IV (2023-2028)

**Điều 2:** Các ông/bà: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng ban, đơn vị có liên quan thuộc Công ty và ông Lê Minh Đức triển khai thực hiện Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như điều 6.
- ĐU, BKS.
- Lưu HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



NGUYỄN DUY HÙNG



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 09 tháng 6 năm 2025*

**BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán.**

1. Họ và tên: **Lê Minh Đức**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày tháng năm sinh: 13/06/1966
4. Nơi sinh: Lào Cai
5. Số CCCD: 010066000025 - Ngày cấp: 05/04/2023 - Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH
6. Quốc tịch: Việt Nam.
7. Dân tộc: Kinh
8. Địa chỉ thường trú: BT1-D78 lô BT-102 khu Đô thị mới Bắc An Khánh, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, tp.Hà Nội.
9. Số điện thoại: 0912.782.772
10. Địa chỉ email: leminhduc.viwaseen@gmail.com
11. Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin: **TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM - CTCP**
12. Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin: **Chủ tịch HĐQT**
13. Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không.
14. Số CP nắm giữ: 14.242.375 chiếm 24,55% vốn điều lệ, trong đó: Cá nhân sở hữu: 5,000 cp
15. Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không

Danh sách người có liên quan của người khai\*:

16. Danh sách người có liên quan của người khai \*

*\* Người có liên quan theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.*

| Stt No. | Mã CK | Họ tên            | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Giấy ĐK KD) | Số Giấy NSH (*)/ NSH No. | Ngày cấp   | Nơi cấp                   | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ                                    | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của Cty/ người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của Cty/ người nội bộ | Lý do phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14 | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|---------|-------|-------------------|------------------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------|------------|---------------------------|--------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 1       | 2     | 3                 | 4                                        | 5                            | 6                                         | 7                                         | 8                        | 9          | 10                        | 11                                                                       | 12                         | 13                            | 14                                                            | 15                                                              | 16                                                  | 17                                                         |
| 1.01    |       | Lê Trọng Mẫn      |                                          |                              | Bố đẻ                                     |                                           | 038036005098             | 01/11/2022 | Cục cảnh sát QLHC về TTXH | 18C, ngõ 123 Trung Kính, p.Trung Hòa, q.Cầu Giấy, Hà Nội                 | 0                          | 0                             |                                                               |                                                                 |                                                     |                                                            |
| 1.02    |       | Trần Thị Liên     |                                          |                              | Mẹ đẻ                                     |                                           | Đã mất                   |            |                           |                                                                          |                            |                               |                                                               |                                                                 |                                                     |                                                            |
| 1.03    |       | Lê Đăng Lập       |                                          |                              | Bố vợ                                     |                                           | Đã mất                   |            |                           |                                                                          |                            |                               |                                                               |                                                                 |                                                     |                                                            |
| 1.04    |       | Nguyễn Thị Na     |                                          |                              | Mẹ vợ                                     |                                           | 008141000005             | 04/11/2022 | Cục cảnh sát QLHC về TTXH | P21.1 chung cư Vimeco, lô E9 Phạm Hùng, p.Trung Hòa, q.Cầu Giấy, Hà Nội  | 0                          | 0                             |                                                               |                                                                 |                                                     |                                                            |
| 1.05    |       | Lê Thị Bảo Yên    |                                          |                              | Vợ                                        |                                           | 00816600015              | 10/07/2021 | Cục cảnh sát QLHC về TTXH | BT1 D78 Splendora KĐT Bắc An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội                     | 0                          | 0                             |                                                               |                                                                 |                                                     |                                                            |
| 1.06    |       | Lê Minh Hòa       |                                          |                              | Con trai                                  |                                           | 001091031754             | 06/02/2025 | Cục cảnh sát QLHC về TTXH | B2.21.01 chung cư Q7 Boulevard, đường 15B, phường Phú Mỹ, quận 7, tp.HCM | 0                          | 0                             |                                                               |                                                                 |                                                     |                                                            |
| 1.07    |       | Lê Thị Bích Thuận |                                          |                              | Con gái                                   |                                           | 001196045065             | 24/08/2022 | Cục cảnh sát QLHC về TTXH | BT1 D78 Splendora KĐT Bắc An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội                     | 0                          | 0                             |                                                               |                                                                 |                                                     |                                                            |
| 1.08    |       | Lê Minh Long      |                                          |                              | Anh trai                                  |                                           | Đã mất                   |            |                           |                                                                          |                            |                               |                                                               |                                                                 |                                                     |                                                            |



| Stt No. | Mã CK | Họ tên               | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Giấy ĐK KD) | Số Giấy NSH (*)/ NSH No. | Ngày cấp   | Nơi cấp                   | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ                     | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của Cty/ người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của Cty/ người nội bộ | Lý do phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14 | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|---------|-------|----------------------|------------------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------|------------|---------------------------|-----------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 1.09    |       | Lê Minh Huyền        |                                          |                              | Anh trai                                  |                                           | 038060035200             | 25/07/2022 | Cục cảnh sát QLHC về TTXH | BT1 Lô E9 Phạm Hùng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội          | 0                          | 0                             |                                                               |                                                                 |                                                     |                                                            |
| 1.10    |       | Lê Thị Minh Hạnh     |                                          |                              | Em gái                                    |                                           | 010168005596             | 09/05/2023 | Cục cảnh sát QLHC về TTXH | Số 4/1 ngõ 357 Tam Trinh, Hoàng Mai, Hà Nội               | 0                          | 0                             |                                                               |                                                                 |                                                     |                                                            |
| 1.11    |       | Lê Thị Minh Thành    |                                          |                              | Em gái                                    |                                           | 010170000116             | 28/09/2021 | Cục cảnh sát QLHC về TTXH | A1411 chung cư Thống Nhất Complex, 82 Nguyễn Tuân, Hà Nội | 0                          | 0                             |                                                               |                                                                 |                                                     |                                                            |
| 1.12    |       | Lê Thị Minh Tâm      |                                          |                              | Em gái                                    |                                           | 010172000953             | 25/04/2021 | Cục cảnh sát QLHC về TTXH | P1310, B3B KĐT Nam Trung yên, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội | 0                          | 0                             |                                                               |                                                                 |                                                     |                                                            |
| 1.13    |       | Lê Minh Khánh        |                                          |                              | Em trai                                   |                                           | 010075000028             | 25/04/2021 | Cục cảnh sát QLHC về TTXH | 18C, ngõ 123 Trung Kính, p.Trung Hòa, q.Cầu Giấy, Hà Nội  | 0                          | 0                             |                                                               |                                                                 |                                                     |                                                            |
| 1.14    |       | Phùng Hương Duy      |                                          |                              | Chị dâu                                   |                                           | 015164003341             | 22/09/2021 | Cục cảnh sát QLHC về TTXH | Chung cư VOV Mễ Trì , Nam Từ Liêm, Hà Nội                 | 0                          | 0                             |                                                               |                                                                 |                                                     |                                                            |
| 1.15    |       | Nguyễn Thị Ánh Tuyết |                                          |                              | Chị dâu                                   |                                           | 015162000021             | 25/07/2022 | Cục cảnh sát QLHC về TTXH | BT1 Lô E9 Phạm Hùng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội          | 0                          | 0                             |                                                               |                                                                 |                                                     |                                                            |



| Stt No. | Mã CK | Họ tên            | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ | Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Giấy ĐK KD) | Số Giấy NSH (*)/ NSH No. | Ngày cấp   | Nơi cấp                   | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ                     | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của Cty/ người nội bộ | Thời điểm không còn là người có liên quan của Cty/ người nội bộ | Lý do phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14 | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) |
|---------|-------|-------------------|------------------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------|------------|---------------------------|-----------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 1.16    |       | Nguyễn Trần Thắng |                                          |                              | Em rể                                     |                                           | 001064038991             | 10/07/2021 | Cục cảnh sát QLHC về TTXH | Số 4/1 ngõ 357 Tam Trinh, Hoàng Mai, Hà Nội               | 0                          | 0                             |                                                               |                                                                 |                                                     |                                                            |
| 1.17    |       | Dương Đức Bảo     |                                          |                              | Em rể                                     |                                           | 001069019355             | 25/07/2021 | Cục cảnh sát QLHC về TTXH | A1411 chung cư Thống nhất Complex, 82 Nguyễn Tuân, Hà Nội | 0                          | 0                             |                                                               |                                                                 |                                                     |                                                            |
| 1.18    |       | Nguyễn Hồng Sơn   |                                          |                              | Em rể                                     |                                           | Đã mất                   |            |                           |                                                           |                            |                               |                                                               |                                                                 |                                                     |                                                            |
| 1.19    |       | Lê Thị Anh        |                                          |                              | Em dâu                                    |                                           | 036183001420             | 25/04/202  | Cục cảnh sát QLHC về TTXH | 18C, ngõ 123 Trung Kính, p.Trung Hòa, q.Cầu Giấy, Hà Nội  | 0                          | 0                             |                                                               |                                                                 |                                                     |                                                            |

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): KHÔNG

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): KHÔNG

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**NGƯỜI KHAI**



**LÊ MINH ĐỨC**